

ÔN TẬP MÔN LUẬT KINH TẾ

CÂU 1: so sánh các loại hình doanh nghiệp với nhau

Tên p/l	Doanh nghiệp nhà nước	Doanh nghiệp tư nhân	công ty TNHH hai thành viên trở lên	công ty cổ phần	công ty hợp doanh
định nghĩa	- là tổ chức kinh tế do NN sở hữu toàn bộ vốn điều lệ hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối, được tổ chức dưới hình thức công ty nhà nước, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn. Đ1- Ldoanh nghiep NN	- là doanh nghiep do 1 cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Đ141- Ldoanh nghiep	- là tổ chức, cá nhân, số lg không vượt quá 50 ng. Đ 38- L doanh nghiep	- vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. - số cổ đông nhỏ lớn 3 và không hạn chế số lượng. Đ77- L doanh nghiep	- Ít nhất 2 thành viên là đồng sở hữu, kinh doanh với 1 tên gọi chung, ngoài ra có thành viên góp vốn. Đ130- L doanh nghiep
Tư cách pháp nhân	- Có tư cách pháp nhân. - được phát hành cổ phần	- Không có tư cách pháp nhân - không được phát hành chứng	- Có tư cách pháp nhân - được phát hành trái phiếu	- Có tư cách pháp nhân. - được phát hành cổ phần	- Có tư cách pháp nhân. - không được phát hành chứng

	& trái phiếu	khoán	& không được phát hành cổ phần.	& trái phiếu.	khoán & cổ phiếu.
Chế độ chịu trách nhiệm	- chế độ trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi số tài sản của công ty.	- Chịu trách nhiệm là vô hạn đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ TS khác.	- chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn góp.	- Chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn góp.	- THÀNH VIÊN hợp danh chịu trn về toàn bộ tài sản của mình. - THÀNH VIÊN góp vốn chỉ chịu tn trong phạm vi góp vốn.
+ tổ chức doanh nghiệp	- công ty NN không có hội đồng quản trị - gồm: giám đốc, các phó giám đốc, kế toán trưởng, và bộ máy giúp việc. (Đ 23- luật doanh nghiệp).	- chủ doanh nghiệp tư nhân có toàn quyền quyết định đối với tất cả các hợp đồng kinh doanh của doanh nghiệp. - chủ doanh nghiệp tư nhân có quyền trực tiếp or thuê ng khác quản lý, điều hành doanh nghiệp.	- gồm: hội đồng thành viên, chủ tịch hội đồng thành viên, giám đốc or tổng giám đốc. - có tên 11 thành viên phải thành lập ban kiểm soát. (Đ46- Ldoanh nghiệp).	- Có đại hội cổ đồng = ban kiểm soát + hội đồng quản trị. G đốc (tổng giám đốc), các phòng ban. - hội đồng quản trị là cơ quan cao nhất của công ty cổ phần (Đ95- Ldoanh nghiệp).	- có hội đồng thành viên, chủ tịch hội đồng thành viên kiêm giám đốc or tổng giám đốc. - mỗi thành viên hợp danh đều có quyền yêu cầu triệu tập HỌP ĐỒNG THÀNH VIÊN. quyền biểu quyết: 3/4 số thành viên. (Đ- 135 L
+thủ tục và hồ sơ					

<p>thành lập.</p> <p>- lợi nhuận</p>	<p>- đề nghị t/l cy NN- Đ 7- L DOANH NGHIỆPnn</p> <p>- Quy định t/l mới công ty NN- Đ9 LDOANH NGHIỆP nn.</p> <p>- đăng ký kinh doanh công ty NN- Đ 10 Ldoanh nghiệpnn.</p> <p>- công bố việc t/l công ty Nhà nước - Đ10....</p>	<p>- là nguyên đơn, bị đơn.(Đ- 143- L DOANH NGHIỆP)</p> <p>- giấy đề nghị đăng ký kinh doanh.</p> <p>- bản sao giấy CMND(Hộ chiếu,giấy chứng thực cá nhân khc)</p> <p>- xác nhận vốn pháp định của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>- chứng chỉ hành nghề.(16- Ldoanh nghiệp)</p> <p>- chủ doanh nghiệp tư nhân được hưởng. (Đ 143- Ldoanh</p>	<p>- giấy đề nghị đăng ký kinh doanh</p> <p>- dự thảo điều lệ công ty.</p> <p>- danh sách cổ đông sáng lập.</p> <p>- xác nhận vốn pháp định.</p> <p>- chứng chỉ hành nghề của giám đốc (t.giám đốc (Đ18- Ldoanh nghiệp).</p> <p>- chia theo tỷ lệ vốn góp. (Đ 41- Ldoanh nghiệp)</p>	<p>- giấy đề nghị đăng ký kinh doanh.</p> <p>- dự thảo điều lệ công ty.</p> <p>- danh sách cổ đông sáng lập và các giấy tờ đi kèm theo.</p> <p>- xác nhận vốn pháp định của cơ quan</p> <p>- chứng chỉ hành nghề của giám đốc (tgiám đốc) (Đ- 19 Ldoanh nghiệp).</p> <p>-</p>	<p>DOANH NGHIỆP).</p> <p>- giấy đề nghị đăng ký kinh doanh</p> <p>- dự thảo điều lệ công ty.</p> <p>- danh sách thành viên CMND, hộ chiếu.</p> <p>- xác nhận vốn pháp định của cơ quan.</p> <p>Chứng chỉ hành nghề của thành viên. (Đ17- Ldoanh nghiệp)</p>
--	---	---	--	---	---

		nghiệp)			
--	--	---------	--	--	--

Phần 2: giải quyết tranh chấp

Có 4 hình thức giải quyết tranh chấp :

- Thương lượng: là hình thức tự giải quyết tranh chấp trong đó các bên tự bàn bạc thỏa thuận để gạt đi những bất đồng không có sự tham gia của bất kỳ bên thứ 3 nào(hình thức phổ biến nhất).
- Hòa giải;là hình thức giải quyết tranh chấp với sự tham gia của bên thứ 3 làm trung gian, giúp các bên tranh chấp đạt được giải pháp nhằm loại trừ xung đột đã phát sinh.
- Trọng tài:là hình thức giải quyết tranh chấp thông qua hoạt động của trọng tài viên với tư cách là bên thứ ba nhằm chấm dứt xung đột bằng cách đưa ra phán quyết dựa trên sự thỏa thuận của các bên tranh chấp;có hiệu lực bắt buộc đối với mỗi bên.
- Tòa án: là hình thức giải quyết tranh chấp do cơ quan xét xử của nhà nước thông qua hoạt động của các thẩm phán theo 1 thủ tục pháp lý chặt chẽ nhằm ra 1 bản án hay 1 quyết định về vụ tranh chấp buộc các bên phải thi hành.

Theo luật pháp hiện hành của Việt Nam, việc giải quyết tranh chấp kinh tế được thực hiện bằng một trong hai con đường: Một là, giải quyết tại Toà án Nhân dân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; hai là, giải quyết bằng trọng tài theo quy định của Pháp lệnh Trọng tài thương mại, Nghị định số 25/2004/NĐ- CP ngày 15/01/2004 của Chính phủ.

Như vậy, khi xảy ra tranh chấp các bên có thể đưa vụ việc ra toà án hoặc trọng tài để giải quyết. Hai con đường này có sự khác biệt cơ bản, tuy kết quả cuối cùng đều có thể được thực thi bằng cơ quan thi hành án.

Toà án là cơ quan xét xử của Nhà nước, nhân danh nước CHXHCN Việt Nam quyết định đưa vụ tranh chấp ra xét xử theo trình tự Tố tụng dân sự được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình tố tụng như vậy, đương nhiên là phải chặt chẽ, với nhiều thủ tục tố tụng rườm rà, thời gian kéo dài; xét xử công khai; án được tuyên không tùy thuộc ý chí các bên mà là kết quả nghị án của Hội đồng xét xử; án đã tuyên dù có quyền kháng cáo, nhưng “gỡ” được không phải dễ.

Trong khi đó, trọng tài thương mại là một tổ chức phi Chính phủ, chỉ nhận giải quyết các vụ tranh chấp khi các bên có thoả thuận bằng văn bản về việc chọn trọng tài. Quá trình giải quyết, được thực hiện theo nguyên tắc “phân xử trọng tài” phù hợp với quy định trong Pháp lệnh trọng tài thương mại và quy chế của Tổ chức trọng tài mà các bên đã lựa chọn. Thủ tục giải quyết có nhiều mặt ngược với tố tụng toà án.

Ưu, nhược điểm của giải quyết tranh chấp bằng trọng tài so với giải quyết tại toà án

Thực tế cho thấy, giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại có những ưu điểm vượt trội so với giải quyết tranh chấp tại toà án. Những ưu điểm đó là:

- Đề cao ý chí tự do thoả thuận của các bên tranh chấp;
- Thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại đơn giản, không có nhiều công đoạn tố tụng, nhanh, gọn, linh hoạt đáp ứng đòi hỏi hoạt động thương mại của các bên có liên quan;
- Nội dung tranh chấp và danh tính của các bên được giữ kín, đáp ứng nhu cầu tin cậy trong quan hệ thương mại. Điều đó, có ý nghĩa lớn trong điều kiện cạnh tranh;

- Các bên đương sự được tự do lựa chọn trọng tài viên. Cách thức lựa chọn trọng tài và Hội đồng trọng tài phát huy tính dân chủ, khách quan trong quá trình tố tụng;
- Trọng tài viên - người chủ trì phân xử tranh chấp, có chuyên môn sâu và kinh nghiệm giải quyết đối với lĩnh vực của vụ tranh chấp;
- Quyết định trọng tài được thực hiện ngay, đáp ứng yêu cầu khôi phục nhanh những tổn thất về tiền, hàng trong kinh doanh thương mại. Quyết định trọng tài là quyết định cuối cùng và có hiệu lực pháp luật, như bản án của toà án;
- Tố tụng trọng tài không bị ràng buộc về mặt lãnh thổ, nghĩa là các bên muốn chọn trung tâm trọng tài nào cũng được, bất kể địa chỉ của họ ở đâu;
- Tuy là chung thẩm, nhưng tố tụng trọng tài không đặt vấn đề cưỡng chế thi hành, nên bên đương sự nào không chấp nhận phán quyết của trọng tài thì có thể kiện ra toà kinh tế theo thủ tục giải quyết các vụ án;
- Quyết định giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài phải được các bên thi hành nhanh chóng, trong thời hạn 30 ngày. Quá hạn đó, bên được thi hành có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án cấp tỉnh, nơi có trụ sở, nơi cư trú hoặc nơi có tài sản của bên phải thi hành quyết định trọng tài;
- Việc thắng, thua trong tố tụng tại trọng tài kinh tế vẫn giữ được mối hoà khí lâu dài giữa các bên tranh chấp. Đây là điều kiện không làm mất đi quan hệ hợp tác kinh doanh giữa các đối tác. Bởi lẽ tố tụng tại trọng tài là tự nguyện;

- Tuy là giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài - một tổ chức phi Chính phủ, nhưng được hỗ trợ, đảm bảo về pháp lý của toà án trên các mặt sau: Xác định giá trị pháp lý của thoả thuận trọng tài; giải quyết khiếu nại về thẩm quyền của Hội đồng trọng tài; ra lệnh áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; xét đơn yêu cầu huỷ quyết định trọng tài; công nhận và thi hành quyết định trọng tài.

- Trong quá trình giải quyết tranh chấp, nếu quyền và lợi ích của một bên bị xâm hại hoặc có nguy cơ xâm hại thì có quyền làm đơn yêu cầu toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, nhằm: Bảo toàn chứng cứ trong trường hợp chứng cứ bị tiêu huỷ hoặc có nguy cơ bị tiêu huỷ; kê biên tài sản tranh chấp để ngăn ngừa việc tẩu tán tài sản; cấm chuyển dịch tài sản tranh chấp; cấm thay đổi hiện trạng của tài sản tranh chấp; kê biên và niêm phong tài sản ở nơi gửi giữ; phong tỏa tài khoản tại ngân hàng.

- Việc đánh giá và sử dụng nguồn chứng cứ tại các cơ quan trọng tài rộng hơn, tự do hơn, mang tính xã hội hơn, tạo điều kiện cho các bên làm sáng tỏ những vấn đề nhạy cảm. Trong khi đó, toà án áp dụng các chứng cứ để tố tụng bị ràng buộc hơn về mặt pháp lý, làm cho các bên tham gia tố tụng không có cơ hội làm sáng tỏ hết được nhiều vấn đề khúc mắc, không thể hiện trên các chứng cứ “pháp lý”.

Tuy nhiên, tranh chấp kinh tế qua con đường trọng tài cũng có những nhược điểm so với tranh chấp tại toà án kinh tế. Đó là:

- Cơ quan trọng tài kinh tế không có quyền ra lệnh kê biên khẩn cấp tạm thời đối với tài sản là đối tượng tranh chấp. Việc kê biên chỉ được thực hiện thông qua toà án trên cơ sở yêu cầu của trọng tài. Quá trình kê biên theo trình tự này có thể kéo dài, không đảm bảo phong tỏa tài sản kịp thời để phòng ngừa việc tẩu tán tài sản;

- Phán quyết của trọng tài, tuy là chung thẩm, nhưng bên bị đơn có thể yêu cầu toà án xem xét lại. Như vậy, phán quyết của trọng tài nhiều lúc làm cho bên “thắng kiện” không yên tâm.

Thực trạng về giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại và nguyên nhân

Nếu so sánh giữa ưu và nhược điểm thì việc giải quyết tranh chấp kinh tế qua trọng tài là con đường tốt hơn đối với các doanh nghiệp. Tuy nhiên, đến nay, số lượng giải quyết tranh chấp qua trọng tài kinh tế hết sức nhỏ. Tại thành phố Hà Nội, tranh chấp kinh tế bằng hình thức trọng tài năm 2005, chỉ có 13 vụ, năm 2004, khoảng 10 vụ. ở TP Hồ Chí Minh - nơi có nền kinh tế sôi động, số lượng doanh nghiệp chiếm phần lớn so với cả nước, tuy nhiên, số vụ đưa ra giải quyết bằng trọng tài chiếm một tỷ lệ nhỏ so với số lượng tranh chấp xảy ra trong đời sống thương mại ở nước ta. Theo chúng tôi, có ba nguyên nhân cơ bản sau đây:

- Ý thức về pháp luật của các doanh nghiệp và việc kinh doanh trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt làm cho các chủ thể trong quan hệ đều vi phạm hợp đồng. Trong một giao dịch, bên này vi phạm việc này, bên kia sai việc khác; hoặc hôm nay, bên này sai, thì ngày mai, bên kia sai; người ta tìm cách thương thuyết “tay đôi” để giải quyết ổn thoả, nhằm giữ quan hệ làm ăn lâu dài. Vì lẽ đó, việc đưa nhau ra xử lý bằng trọng tài hoặc toà án các bên đều không muốn. Theo số liệu của Phòng kinh tế thương mại Việt Nam, giải quyết tranh chấp kinh tế qua toà án và trọng tài chỉ chiếm khoảng 90% số lượng các vụ tranh chấp trong thực tế.

- Nhiều doanh nghiệp, cá nhân không am hiểu những vấn đề liên quan đến tố tụng thông

qua con đường trọng tài thương mại. Trước đây, trong thời kỳ bao cấp, ở nước ta có trọng tài kinh tế nhà nước - cơ quan này quản lý hợp đồng kinh tế giữa các chủ thể kinh tế nhà nước. Nhưng việc đó đã bãi bỏ lâu. Từ đó, các doanh nghiệp và nhân dân chỉ quen tranh chấp bằng con đường tố tụng tại toà kinh tế. Nghiên cứu cho thấy, hầu hết các hợp đồng kinh tế chỉ có quy định hai biện pháp tranh chấp là tự thương lượng giải quyết, nếu không giải quyết được thì đưa ra giải quyết tại toà án có thẩm quyền. Trong một ngàn hợp đồng, chỉ có một vài hợp đồng chế định việc tranh chấp tại trọng tài kinh tế. Như vậy, phương pháp tự xử và xử lý tranh chấp tại toà đã ăn sâu vào tiềm thức của các doanh nghiệp.

- Trọng tài kinh tế là tổ chức phi Chính phủ. Chúng ta sống trong hệ thống chính trị mà người dân nghĩ rằng chỉ có các quyết định của Đảng và Nhà nước mới có hiệu lực và tính khả thi. Với chiều dài của lịch sử, với thực tiễn cuộc sống đã làm cho dân ta nhận thức một cách không đầy đủ về xã hội dân sự. Đây là nhận thức về bề nổi, nhưng lại ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động của tổ chức phi Chính phủ. Thực trạng này, phần lớn cũng do các yếu tố pháp lý gây nên. Pháp lệnh về trọng tài vẫn còn có những hạn chế, làm giảm hiệu lực hoạt động của các trung tâm trọng tài. Một phán quyết của trọng tài dù có chính xác đến đâu cũng cần phải có một quyết định công nhận và cho thi hành của Toà án hoặc quyết định của cơ quan thi hành án. Quy định này, làm tăng thêm tâm lý e ngại của các doanh nghiệp khi sử dụng trọng tài để phân xử tranh chấp.

- Tồn tại trong bản thân của các trung tâm trọng tài. Thực tiễn là như vậy, nhưng mạng lưới trọng tài của chúng ta lại quá thưa thớt. Đến thời điểm hiện nay, chúng ta chỉ có thể đếm trên đầu ngón tay. Hoạt động của các trung tâm trọng tài chỉ dựa vào nguồn vốn tự có của các nhà sáng lập, nguồn thu từ các vụ tranh chấp. Nhưng các vụ tranh chấp quá ít ỏi, nguồn thu quá hạn hẹp, hạn chế khả năng phát triển công nghệ, mạng lưới, tuyên truyền, đào tạo...

- Trọng tài kinh tế Nhà nước là cơ quan Trọng tài kinh tế cao nhất giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế, xử lý vi phạm pháp luật hợp đồng kinh tế ; chỉ đạo, hướng dẫn Trọng tài kinh tế các cấp áp dụng đúng đắn và thống nhất pháp luật trong tổ tụng trọng tài kinh tế ; hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp luật hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế ; tổng kết thực tiễn công tác hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế ; xây dựng các dự án pháp luật hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế.

Trọng tài kinh tế Nhà nước có thẩm quyền:

- 1- Giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế theo yêu cầu của các bên mà phần tranh chấp có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên; trong trường hợp một hoặc các bên là tổ chức, cá nhân nước ngoài thì không giới hạn giá trị tranh chấp;
- 2- Giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế giữa các bên không cùng ở trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương mà phần tranh chấp có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên và các bên chưa đề cập đến việc yêu cầu Trọng tài kinh tế khác giải quyết;
- 3- Kiểm tra, kết luận và xử lý hợp đồng kinh tế vô hiệu toàn bộ hoặc từng phần do tự phát hiện hoặc theo yêu cầu của các đơn vị kinh tế, cơ quan, tổ chức hữu quan, của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương;
- 4- Xét kháng cáo quyết định giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế, xử lý vi phạm pháp luật hợp đồng kinh tế của Trọng tài kinh tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương; đối với kháng cáo quyết định của Trọng tài viên Trọng tài kinh tế Nhà

nước thì do Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước xét;

5- Giám sát quyết định giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế, xử lý vi phạm pháp luật hợp đồng kinh tế hoặc xét kháng cáo của Trọng tài kinh tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương. Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước giám sát quyết định của Trọng tài viên Trọng tài kinh tế Nhà nước;

6- Xem xét lại quyết định giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế, xử lý vi phạm pháp luật hợp đồng kinh tế của Trọng tài viên Trọng tài kinh tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương khi có tình tiết mới được phát hiện; đối với quyết định của Trọng tài viên Trọng tài kinh tế Nhà nước thì do Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước xem xét.

Hội đồng Trọng tài viên của Trọng tài kinh tế Nhà nước có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1- Tham gia ý kiến với Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước về các chủ trương, biện pháp tổ chức hoạt động của Trọng tài kinh tế, về các dự án pháp luật hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế;

2- Theo yêu cầu của Chủ tịch trọng tài kinh tế Nhà nước, tham gia ý kiến về việc xét kháng cáo, giám sát các quyết định của Trọng tài viên Trọng tài kinh tế Nhà nước, của Trọng tài kinh tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương;

3- Theo đề nghị của Trọng tài viên Trọng tài kinh tế Nhà nước, tham gia ý kiến về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế, xử lý vi phạm pháp luật hợp đồng kinh tế.

Tranh chấp kinh doanh - thương mại giữa các doanh nghiệp Việt Nam đều có thể được một trong các bên lựa chọn hình thức trọng tài hay tòa án giải quyết. Cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết phụ thuộc vào thỏa thuận của các bên. Tuy nhiên, không phải tranh chấp nào cũng được trọng tài giải quyết. Chỉ những tranh chấp mà trong hợp đồng các bên có thỏa thuận trọng tài hoặc mặc dù trong hợp đồng các bên không thỏa thuận nhưng trong tiến trình giải quyết tranh chấp (trước khi đưa đến Tòa án) các bên có thống nhất thỏa thuận trọng tài giải quyết thì khi đó cơ quan trọng tài có thẩm quyền giải quyết. Những trường hợp còn lại, Tòa án đương nhiên có thẩm quyền giải quyết.

Song, không phải cứ có thỏa thuận trọng tài là cơ quan trọng tài đó có thẩm quyền giải quyết. Các thỏa thuận trọng tài phải là hợp lệ, đúng pháp luật. Những trường hợp thỏa thuận trọng tài không hợp pháp thì cơ quan Tòa án sẽ có thẩm quyền giải quyết.

Thực tiễn các tranh chấp kinh doanh - thương mại tại Việt Nam giữa các doanh nghiệp Việt Nam thường được giải quyết bằng con đường tòa án vì những lý do sau:

Một là: các bên không có thỏa thuận trọng tài giải quyết trước hoặc trong quá trình phát sinh tranh chấp. Có khi có thỏa thuận trọng tài nhưng điều khoản thỏa thuận này vô hiệu.

Hai là: Trước đây không có cơ chế bảo đảm thi hành phán quyết của trọng tài thương mại. Vì thế, các phán quyết này khi được ban hành không có hiệu lực thực tế. Các bên tranh chấp do đó lại phải mang đến cơ quan tòa án giải quyết. Vì vậy, trong một thời gian dài, giải quyết tranh chấp thương mại bằng con đường trọng tài ở Việt Nam là không hiệu quả. Nhưng hiện nay, với sự ra đời của Bộ luật tố tụng dân sự thì cơ chế đảm bảo thi hành phán quyết trọng tài đã có hiệu lực. Nhờ đó, số lượng các tranh chấp giải quyết

bằng con đường trọng tài ngày càng tăng do nó có những ưu điểm nhất định (thời gian, thủ tục, kinh tế,...)

Ba là: Mặc dù đã có cơ chế bảo đảm thi hành nhưng tâm lý các doanh nghiệp Việt nam khi có tranh chấp vẫn ngại mang ra cơ quan trọng tài sau bao năm hoạt động ỳ trệ. Trong quá trình chúng tôi xét xử, thực tiễn có chỉ ra rằng nhiều doanh nghiệp không có văn hoá kinh doanh nên nếu đem tranh chấp ra cơ quan trọng tài giải quyết thì lại phải tiếp tục nhờ đến toà án can thiệp để bảo đảm cưỡng chế thi hành phán quyết, tốn kém tiền bạc và thời gian.

Đó là lý do vì sao các tranh chấp kinh doanh - thương mại giữa các doanh nghiệp Việt nam ít được giải quyết tại cơ quan trọng tài (rất khác lạ so với các nước tiên tiến trên thế giới). Nhưng qua nghiên cứu và theo dõi, tôi nhận thấy trong tương lai các doanh nghiệp sẽ lựa chọn trọng tài nhiều hơn.

Ôn tập phá sản:

- định nghĩa: Điều 3- luật phá sản

Doanh nghiệp, hợp tác xã không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu thì coi là lâm vào tình trạng phá sản.